

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1642../CSVN-KHĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2018

V/v Công bố báo cáo tài chính
riêng năm 2017 – Công ty mẹ -
Tập đoàn Công nghiệp cao su
Việt Nam.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ quy định của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xin công bố báo cáo tài chính riêng năm 2017 của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam tại báo cáo đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN & PTNT;
- KSV, TGD (b/c);
- Ban TCKT,
- VP (để công bố);
- Lưu: VT, KHĐT.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN KHĐT
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**



Phạm Văn Thành

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 62
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 62

100
C
HÀC
ĂN
/ 2A/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 252/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị quốc doanh sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về cao su thuộc trung ương và địa phương.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Tổng Công ty Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được chuyển đổi từ mô hình Công ty mẹ - Công ty con sang Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 981/QĐ - TTg ngày 25/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0301266564, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/3/2013, lần thứ 3 ngày 04/03/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 236, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Sỹ Lực	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Thuận	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Ông Hà Văn Khương	Thành viên
Ông Phạm Văn Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thoại	Phó Tổng Giám đốc	(Nghỉ hưu từ ngày 01/03/2017)
Ông Hứa Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Văn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Công Kha	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Đình Trí	Kiểm soát viên phụ trách
Ông Đỗ Khắc Thăng	Kiểm soát viên
Ông Đỗ Minh Quang	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tập đoàn.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Huỳnh Văn Bảo



Số: 150518.002

/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được lập ngày 10 tháng 04 năm 2018, từ trang 06 đến trang 62, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về đặc điểm hoạt động của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 01 và chính sách kế toán về khoản nợ phải thu về cho vay khách hàng được trình bày tại thuyết minh số 2.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2018

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Văn Thảo
Giấy chứng nhận đăng ký hàng nghề kiểm toán
số: 0522-2018-002-1

Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hàng nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.373.987.298.256	1.940.988.596.497
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	351.215.705.931	1.036.713.926.456
111	1. Tiền		83.206.612.103	194.078.007.128
112	2. Các khoản tương đương tiền		268.009.093.828	842.635.919.328
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	53.281.327.261	155.612.407.653
121	1. Chứng khoán kinh doanh		6.246.878.161	156.682.799.298
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.965.550.900)	(135.070.391.645)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000.000	134.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		892.634.244.924	664.442.157.953
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.535.614.110	3.338.385.566
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	21.327.327.500	5.959.085.800
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	131.104.875.705	744.935.767.987
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	762.077.567.327	607.837.831.871
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26.411.139.718)	(697.628.913.271)
140	IV. Hàng tồn kho	10	718.675.481	28.805.944.977
141	1. Hàng tồn kho		718.675.481	28.805.944.977
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		76.137.344.659	55.414.159.458
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	865.253.541	395.034.743
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.684.628.904	3.607.963.670
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	73.587.462.214	51.411.161.045

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38.583.284.319.340	34.536.079.932.752
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.492.815.786.161	1.487.142.810.217
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.326.242.133.862	1.496.188.257.011
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.169.128.952.299	587.463.490.850
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(2.555.300.000)	(596.508.937.644)
220	II. Tài sản cố định		151.744.962.232	176.096.623.354
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	135.308.607.327	161.765.303.959
222	- Nguyên giá		245.626.181.203	244.994.121.203
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(110.317.573.876)	(83.228.817.244)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.436.354.905	14.331.319.395
228	- Nguyên giá		23.210.860.764	18.967.769.814
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.774.505.859)	(4.636.450.419)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	3.013.793.636
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	-	3.013.793.636
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	35.934.530.163.731	32.863.798.185.602
251	1. Đầu tư vào công ty con		29.813.894.825.178	27.829.815.844.478
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.615.664.983.167	4.812.212.689.946
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		337.834.415.273	351.757.022.224
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.864.059.887)	(385.987.371.046)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		170.000.000.000	256.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.193.407.216	6.028.519.943
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.193.407.216	6.028.519.943
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		39.957.271.617.596	36.477.068.529.249

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

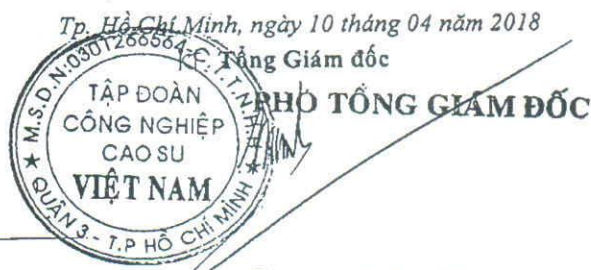
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		570.952.871.489	1.082.235.834.225
310	I. Nợ ngắn hạn		335.274.242.627	813.678.055.632
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	13.046.235.550	31.601.878.607
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	8.811.435.283	20.203.997.285
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	28.811.393.124	229.260.835.961
314	4. Phải trả người lao động		18.399.210.037	22.287.722.682
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	36.504.949.972	42.154.024.639
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		156.019.500	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	108.872.445.499	215.401.641.952
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	34.171.350.545	150.804.092.955
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		86.501.203.117	101.963.861.551
330	II. Nợ dài hạn		235.678.628.862	268.557.778.593
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	15.076.317.517	15.076.317.517
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	220.602.311.345	252.116.927.253
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.364.533.823
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		39.386.318.746.107	35.394.832.695.024
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	39.386.318.746.107	35.394.832.695.024
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		27.354.777.037.363	26.141.117.039.011
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		2.437.373.768.203	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.642.923.454.498	4.371.313.619.063
419	4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		990.086.946	27.981.071.708
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		301.474.167.728	203.930.498.421
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	1.710.235.452
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		-	1.710.235.452
422	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		4.648.780.231.369	4.648.780.231.369
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		39.957.271.617.596	36.477.068.529.249

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hương

Bùi Thanh Tâm



Huỳnh Văn Bảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	549.976.845.413	422.233.012.542
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		549.976.845.413	422.233.012.542
11	4. Giá vốn hàng bán	24	476.721.264.716	343.784.273.619
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.255.580.697	78.448.738.923
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.240.289.186.561	759.757.625.615
22	7. Chi phí tài chính	26	103.781.923.437	10.022.715.231
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.157.633.302	31.911.090.815
25	8. Chi phí bán hàng	27	478.498.406	3.591.360.587
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	204.220.175.984	153.059.805.226
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.005.064.169.431	671.532.483.494
31	11. Thu nhập khác	29	7.291.793.939	131.823.834.376
32	12. Chi phí khác	30	15.237.500	5.075.868.933
40	13. Lợi nhuận khác		7.276.556.439	126.747.965.443
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.012.340.725.870	798.280.448.937
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	(8.395.909.553)	8.860.570.564
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.020.736.635.423</u>	<u>789.419.878.373</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hương

Bùi Thanh Tâm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Huỳnh Văn Bảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		501.227.241.153	998.814.334.322
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(553.010.093.829)	(380.840.024.912)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(68.687.427.552)	(58.762.652.122)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(19.297.821.272)	(21.525.900.389)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.914.051.471)	(36.585.176)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		421.936.541.490	1.031.393.053.507
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.348.451.445.563)	(1.282.543.892.535)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.080.197.057.044)	286.498.332.695
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.689.562.328)	(28.454.670.618)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.328.903)	(10.206.324.906)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		303.391.153.087	218.522.387.499
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.103.740.012.725)	(1.194.561.359.921)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.298.900.000	23.394.500.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.341.603.045.706	736.857.192.388
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		542.846.194.837	(254.448.275.558)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		26.656.734.637	113.683.633.180
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(174.804.092.955)	(146.156.884.083)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(148.147.358.318)	(32.473.250.903)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(685.498.220.525)	(423.193.766)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.036.713.926.456	1.035.426.884.770
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.710.235.452
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	351.215.705.931	1.036.713.926.456

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2018

KT. Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu Hương

Bùi Thanh Tâm

Huỳnh Văn Bảo